TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 7 năm 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Ấn;

2. Bà Phạm Thị Thỏa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Mai Minh Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2024/TLST- HNGĐ ngày 02/4/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-DS, ngày 27/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tẩn Lá V; sinh năm: 1994; dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Làm nương; CCCD số: 002094005697 do Cục C – BCA cấp ngày 31/03/2023; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 12/7/2024).

2. Bị đơn: Chị Chẻo Thị M; sinh năm: 1995; dân tộc: Dao; số CMND: 073518346 cấp ngày 11/01/2016 tại Công an tỉnh H; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 02/4/2024, bản tự khai ngày 02/4/2024 và tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 12/7/2024 anh Tẩn Lá V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chẻo Thị M, sinh ngày 18/6/1995, trú tại thôn B, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang vào ngày 20/01/2016. Quá trình chung sống anh chị cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Đến tháng 12/2016 chị Chẻo Thị M tự ý bỏ nhà đi đến nay không rõ tung tích, anh V đã báo cáo chính quyền địa phương và cùng gia đình hai bên tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì về chị M. Anh V đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Y tuyên bố một người mất tích đối với chị M, ngày 10/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Y đã ra quyết định số 02/2023/QĐST-VDS tuyên bố chị Chẻo Thị M mất tích, đến nay anh V nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh Tẩn Lá V xác nhận, anh và chị M có một con chung là cháu Tẩn Tấn D, sinh ngày 29/7/2013. Từ khi chị M bỏ đi cháu D ở cùng anh V, anh V đề nghị được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh V xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Chẻo Thị M đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 02/2023/QĐST-VDS ngày 10/3/2023. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với chị Chẻo Thị M nhưng chị M không có mặt để tham gia tố tụng.

Ngày 02/4/2024 cháu Tẩn Tấn D có đơn đề nghị xin được ở cùng với bố vì mẹ bỏ đi đã lâu, từ khi mẹ bỏ đi cháu được bố chăm sóc nuôi dưỡng.

Tại biên bản xác minh ngày 22/5/2024 đối với ông Nông Văn X – Công chức Tư pháp hộ tịch xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang cung cấp: Anh Tẩn Lá V và chị Chẻo Thị M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 20/01/2016. Quá trình chung sống không rõ giữa anh V và chị M có mâu thuẫn không, chị M đã bỏ đi khỏi nơi cư trú từ tháng 12/2016 đến nay vẫn chưa trở về địa phương, không ai rõ chị M đi đâu, làm gì, không có tin tức gì về chị M. Anh Tẩn Lá V và chị Chẻo Thị M có 01 con chung là cháu Tẩn Tấn D, sinh ngày 29/7/2013, sau khi chị M bỏ đi cháu D ở cùng với anh V. Mức thu nhập bình quân đầu người tại địa phương là 2,5 triệu đồng/ người/tháng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo quyền lợi của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý

vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Tẩn Lá V, cho anh V được ly hôn với chị Chẻo Thị M. Về con chung: Giao cháu Tẩn Tấn D cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh Tẩn Lá V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Tẩn Lá V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Chẻo Thị M, nơi cư trú cuối cùng tại thôn B, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết vụ án; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tẩn Lá V và chị Chẻo Thị M có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 20/01/2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa anh Tẩn Lá V và chị Chẻo Thị M là hợp pháp.

[4] Bị đơn chị Chẻo Thị M đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 02/2023/QĐST-VDS ngày 10/3/2023.

[5] Về căn cứ cho ly hôn: Anh Tẩn Lá V là chồng của chị Chẻo Thị M là người bị Tòa án tuyên bố mất tích xin ly hôn, nên yêu cầu ly hôn với chị M của anh V là có căn cứ, phù hợp, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[6] Về con chung: Anh V xác nhận, anh V và chị M có một con chung là cháu Tẩn Tấn D, sinh ngày 29/7/2013, sau khi ly hôn anh V đề nghị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ tháng 12/2016 chị M bỏ nhà đi đến nay cháu D vẫn trực tiếp sinh sống cùng bố là anh V, ngoài ra cháu D có đơn nguyện vọng xin được ở cùng bố nên việc giao cháu D cho anh V tiếp tục là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[7] Về tài sản, công nợ chung: Anh Tẩn Lá V xác nhận không có, vợ chồng không nợ ai hay ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Anh Tẩn Lá V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Tẩn Lá V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Tẩn Lá V được ly hôn với chị Chẻo Thị M.

2. Về con chung: Giao cháu Tẩn Tấn D, sinh ngày 29/7/2013 cho anh Tẩn Lá V là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, chị Chẻo Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Anh Tẩn Lá V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án do ông La Văn B nộp thay tại biên lai thu số: 0003175 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS H Y;
- UBND xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

TÒA ÁN ND HUYỆN YÊN MINH T. HÀ GIANG

Đoàn Ngọc Vĩnh